

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT ƯT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
1	A6001	Dược	Du Huỳnh Phương	29/03/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX. Gò Công	2		7,80	8,40	8,60	24,80	
2	A6002	Dược	Phan Dương Minh Tú	05/11/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,90	8,10	8,40	24,40	
3	A6003	Điều dưỡng	Nguyễn Lê Thanh Ngân	06/08/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		6,90	7,30	8,30	22,50	
4	A6004	Dược	Võ Tấn Khoa	10/12/2004	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,40	8,50	8,90	25,80	
5	A6005	Điều dưỡng	Bùi Trung Hiếu	14/01/1997	Nam	THPT	Long An	Tân An	2		5,80	6,30	6,80	18,90	
6	A6006	Dược	Lê Ngọc Diệu	25/03/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		5,70	6,30	6,60	18,60	
7	A6007	Dược	Mai Thanh Duy	19/07/1998	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,80	6,50	7,50	20,80	
8	A6008	Dược	Phạm Mai Phương Vy	02/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,40	6,70	7,00	20,10	
9	A6009	Điều dưỡng	Trần Thụy Hồng Yến	30/07/2005	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	2NT		6,20	5,60	6,70	18,50	
10	A6010	Dược	Nguyễn Ngọc Nhung	04/06/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		9,10	9,10	9,20	27,40	
11	A6011	Dược	Bùi Như Tuyết	07/12/2003	Nữ	THPT	Long An	Tân An	2		8,60	9,10	8,90	26,60	
12	A6012	Dược	Võ Thị Trúc Ly	05/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		8,90	8,60		17,50	Thiếu CNTN, thiếu điểm TB năm 12
13	A6013	Y sĩ đa khoa	Hồ Thị Kim Ngân	04/12/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,40	8,20	8,10	24,70	
14	A6014	Dược	Đặng Sông Hương	12/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,40	8,60	8,40	25,40	
15	A6015	Dược	Nguyễn Ngọc Châu	18/09/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,50	6,90	7,40	21,80	
16	A6016	Điều dưỡng	Nguyễn Ngọc Thạnh	22/08/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,70	7,00	7,70	22,40	
17	A6017	Điều dưỡng	Trần Thị Ánh Như	26/05/2001	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,20	7,30	7,20	21,70	
18	A6018	Dược	Nguyễn Minh Nhựt	16/11/2002	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,80	7,50	7,75	23,05	
19	A6019	Dược	Nghê Thị Thùy Dương	15/05/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,00	6,30	7,60	19,90	
20	A6020	Dược	Nguyễn Hồ Gia Khanh	31/07/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		8,50	8,20	8,50	25,20	
21	A6021	Dược	Nguyễn Hồ Gia Ngọc	31/07/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		8,40	8,50	8,10	25,00	
22	A6022	Dược	Đào Thị Thu Thảo	02/03/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP. Gò Công	2		6,30	6,60	7,70	20,60	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT U'T	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
23	A6023	Dược	Nguyễn Ngân Tường Vy	16/03/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	6,40	7,30	20,50	
24	A6024	Dược	Đặng Võ Phương Anh	17/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2	07	6,10	6,10	8,00	20,20	
25	A6025	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Đông Đào	01/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,20	8,50	23,10	
26	A6026	Điều dưỡng	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	07/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	6,20	7,50	20,60	
27	A6027	Điều dưỡng	Đặng Duy Phong	19/01/2001	Nam	THPT	Vĩnh Long	Vũng Liêm	2NT		6,60	6,50	7,30	20,40	
28	A6028	Dược	Dương Thị Thùy Dương	18/08/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,50	7,00	7,60	21,10	
29	A6029	Điều dưỡng	Dương Khả Hân	13/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	6,80	8,10	21,80	
30	A6030	Điều dưỡng	Nguyễn Thành Lợi	24/11/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,50	6,40	6,30	20,20	
31	A6031	Hộ sinh	Huỳnh Ngọc Hoàng Trâm	08/04/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,60	6,90	7,90	21,40	
32	A6032	Dược	Nguyễn Thị Thanh Phương	26/10/2002	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		6,50	7,10	7,40	21,00	
33	A6033	Dược	Bùi Ngọc Trâm	16/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,90	7,90	8,60	24,40	
34	A6034	Điều dưỡng	Đặng Bảo Nhi	05/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,10	7,60	8,50	23,20	
35	A6035	Dược	Bùi Thúy Phương	05/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	6,60	8,00	21,80	
36	A6036	Dược	Nguyễn Ngọc Trà Mi	04/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,10	7,80	8,80	24,70	Thiếu CNTN
37	A6037	Dược	Huỳnh Ngọc Cẩm Tú	07/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,80	8,30	8,90	25,00	
38	A6038	Dược	Nguyễn Ngọc Anh Thư	20/08/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		7,80	7,80	7,40	23,00	
39	A6039	Dược	Phạm Thị Mộng Thùy	24/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,50	8,70	8,80	26,00	Thiếu CNTN
40	A6040	Điều dưỡng	Cao Võ Hoàng Dung	09/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		7,70	7,20	7,90	22,80	
41	A6041	Điều dưỡng	Lê Thị Ngọc Mai	18/06/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		8,10	8,60	8,70	25,40	
42	A6042	Dược	Nguyễn Thanh Phú	07/09/2006	Nam	THPT	Long An	Tân An	2		7,00	7,30	7,90	22,20	
43	A6043	Điều dưỡng	Phan Thị Thúy Vy	10/04/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân An	2		7,70	8,00	8,30	24,00	
44	A6044	Dược	Phạm Ngọc Sơn	21/03/1997	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,50	6,50	6,70	19,70	
45	A6045	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Huế Anh	28/03/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,30	8,20	7,80	24,30	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THI SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
46	A6046	Điều dưỡng	Trương Hoàng Phúc	08/04/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,60	8,40	8,80	25,80	
47	A6047	Dược	Trần Thị Yến Nhi	22/05/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân An	2		8,20	8,40	8,50	25,10	
48	A6048	Dược	Lê Thị Hương Giang	26/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		6,70	7,50	8,30	22,50	Thiếu CNTN
49	A6049	Dược	Huỳnh Minh Thư	31/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,80	8,25	5,50	20,55	
50	A6050	Dược	Nguyễn Văn Nhựt	07/02/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		6,20	6,60	7,00	19,80	
51	A6051	Điều dưỡng	Nguyễn Trúc Linh	17/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	6,10	7,70	20,10	
52	A6052	Điều dưỡng	Võ Thị Tuyết Sang	09/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	7,40	8,60	23,20	
53	A6053	Điều dưỡng	Lê Thị Ngọc Hương	15/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,40	8,30	8,80	25,50	
54	A6054	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Trường Duy	26/12/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2NT		6,40	6,90	6,60	19,90	
55	A6055	Điều dưỡng	Nguyễn Ngọc Bảo Như	29/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,20	7,00	8,00	21,20	
56	A6056	Điều dưỡng	Lê Thị Minh Châu	09/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	5,90	7,50	19,70	Thiếu CNTN
57	A6057	Điều dưỡng	Dương Quốc Duy	05/05/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	1		5,20	6,70	6,60	18,50	
58	A6058	Dược	Trần Hồng Điệp	18/05/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,80	6,40	7,20	20,40	
59	A6059	Điều dưỡng	Nguyễn Phương Nguyên	16/09/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	1		6,30	6,00	6,90	19,20	Thiếu 02 ảnh
60	A6060	Dược	Nguyễn Hồng Đào	12/11/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2		6,50	5,80	7,00	19,30	
61	A6061	Dược	Lê Thị Ru Tơ	05/05/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	1		7,30	6,80	7,50	21,60	
62	A6062	Điều dưỡng	Trần Thị Thuý Vi	08/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,90	8,30	23,60	
63	A6063	Dược	Nguyễn Lê Thị Kim Hào	23/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,20	7,50	8,50	23,20	
64	A6064	Dược	Lê Thị Thu Trúc	12/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	7,50	8,40	23,10	
65	A6065	Điều dưỡng	Cao Thị Mỹ Duyên	18/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,70	6,80	8,00	21,50	
66	A6066	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Thanh Hằng	25/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	7,00	8,20	21,80	
67	A6067	Điều dưỡng	Lê Hải Trường Duy	04/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	6,40	6,90	20,10	
68	A6068	Điều dưỡng	Phan Đặng Diệu Hương	02/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,20	7,70	8,80	24,70	Thiếu CNTN

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT ƯT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
69	A6069	Dược	Ngô Ngọc Cẩm Vy	04/01/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,40	7,80	8,40	22,60	
70	A6070	Dược	Trần Thị Thanh Nguyên	18/10/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,80	7,00	6,50	20,30	
71	A6071	Điều dưỡng	Lê Thị Kim Ngân	28/04/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		7,40	7,70	8,20	23,30	Thiếu CNTN
72	A6072	Điều dưỡng	Văn Ngọc Như Ý	11/07/2006	Nữ	THPT	Long An	Cần Đước	2NT		7,10	7,60	8,80	23,50	
73	A6073	Dược	Đặng Thảo Trâm	08/11/2005	Nữ	THPT	Vĩnh Long	Trà Ôn	2NT		8,20	8,30	8,50	25,00	
74	A6074	Điều dưỡng	Lê Thị Hiếu Hoa	29/10/1998	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,60	6,00	7,80	20,40	
75	A6075	Y sĩ đa khoa	Dương Hoàng Ân	03/08/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	6,50	7,00	19,70	
76	A6076	Điều dưỡng	Đinh Nguyễn Ngọc Hân	17/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,30	6,80	7,00	21,10	
77	A6077	Dược	Châu Thị Ngọc Thương	20/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,80	6,80	8,40	23,00	
78	A6078	Hộ sinh	Nguyễn Thị Hương Trâm	09/07/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	6,10	6,90	19,20	
79	A6079	Dược	Nguyễn Minh Luân	18/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,30	5,90	7,00	19,20	
80	A6080	Điều dưỡng	Lê Thuý Vy	01/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	7,00	7,60	21,20	
81	A6081	Dược	Nguyễn Thị Kim Ngân	08/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	6,70	7,90	21,80	
82	A6082	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	11/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		7,60	8,40	8,70	24,70	
83	A6083	Dược	Lê Huỳnh Như	24/02/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		7,40	7,30	6,90	21,60	
84	A6084	Điều dưỡng	Trần Thị Ngọc Châu	13/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2		8,40	8,40	8,80	25,60	
85	A6085	Dược	Lê Ngọc Trâm	20/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,50	6,40	7,60	21,50	
86	A6086	Dược	Hong Phát Thịnh	27/05/2006	Nam	THPT	TPHCM	Quận 11	2NT		8,20	8,30	8,80	25,30	Thiếu CNTN, khai sinh, hình, căn cước
87	A6087	Dược	Trần Thị Quỳnh Hương	12/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,70	6,10	7,20	20,00	
88	A6088	Dược	Nguyễn Phan Trà My	17/08/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		8,70	8,60	8,50	25,80	
89	A6089	Điều dưỡng	Huỳnh Thị Bảo Yến	09/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,30	8,10	22,40	
90	A6090	Dược	Nguyễn Thị Kim Thuyền	20/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,20	7,30	8,60	23,10	
91	A6091	Dược	Nguyễn Trương Như Ý	28/05/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,40	7,30	7,70	22,40	

✓

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
92	A6092	Dược	Nguyễn Thị Anh Thư	19/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,60	8,40	8,30	25,30	Thiếu CNTN
93	A6093	Điều dưỡng	Trần Quỳnh Như	25/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,20	8,30	22,50	
94	A6094	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Huỳnh Trà My	18/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,20	7,20	8,10	22,50	
95	A6095	Điều dưỡng	Nguyễn Xuân Thanh Giang	03/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	5,50	6,30	18,10	
96	A6096	Điều dưỡng	Đỗ Thị Phương Trinh	14/02/2006	Nữ	THPT	BR-VT	TP Vũng Tàu	2		7,00	7,00	7,50	21,50	Thiếu CNTN
97	A6097	Dược	Nguyễn Thị Thuý Tiên	11/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,00	8,20	8,60	24,80	Thiếu CNTN, học bạ
98	A6098	Dược	Nguyễn Thành Việt	28/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,50	8,40	8,90	25,80	Thiếu CNTN, học bạ
99	A6099	Điều dưỡng	Lê Quang Vinh	30/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,90	8,50	9,10	26,50	
100	A6100	Dược	Trần Văn Đạo	10/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,20	8,75	6,50	22,45	Thiếu CNTN
101	A6101	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Hoàng Thái Chiêu	08/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,10	5,90	7,50	19,50	
102	A6102	Dược	Nguyễn Ngọc Tiên	19/02/2005	Nữ	THPT	TPHCM	Hóc Môn	2		5,90	5,60	7,30	18,80	Thiếu CNTN
103	A6103	Dược	Lê Hữu Thành	05/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,80	6,60	6,80	21,20	
104	A6104	Dược	Đoàn Đình Nguyên Khang	10/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	3		7,00	7,30	8,20	22,50	
105	A6105	Dược	Trần Thị Cẩm Quyên	13/04/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,50	8,00	8,40	23,90	
106	A6106	Dược	Trần Thị Diễm My	08/08/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	7,30	7,80	21,90	
107	A6107	Y sĩ đa khoa	Phan Nguyễn Gia Bảo	03/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,10	6,30	6,70	19,10	
108	A6108	Y sĩ đa khoa	Phan Thị Hoàng Oanh	29/08/2000	Nữ	THPT	Bến Tre	Ba Tri	1		8,70	8,50	8,60	25,80	
109	A6109	Điều dưỡng	Hàng Kiều Tem	01/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,30	8,00	8,80	25,10	
110	A6110	Y sĩ đa khoa	Lê Minh Nhựt	03/09/1990	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,00	7,10	6,90	21,00	
111	A6111	Y sĩ đa khoa	Phan Ngọc Xuân Mai	25/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,40	7,40	7,90	22,70	
112	A6112	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Lê Trung Nghĩa	09/02/2006	Nam	THPT	Đồng Tháp	Tháp Mười	2NT		6,90	6,30	7,80	21,00	
113	A6113	Y sĩ đa khoa	Lê Trịnh Diễm Quỳnh	11/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,90	6,00	7,80	20,70	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
114	A6114	Điều dưỡng	Trần Thị Minh Thu	03/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	6,40	7,50	20,10	
115	A6115	Điều dưỡng	Phan Thị Thảo Nguyên	17/09/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,70	7,90	8,10	23,70	
116	A6116	Dược	Lý Nguyễn Khắc Huy	25/01/2006	Nam	THPT	Đồng Tháp	Lấp Vò	2NT		6,80	6,70	7,70	21,20	Không đúng tổ hợp
117	A6117	Dược	Nguyễn Hoàng Đạt	01/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,80	8,00	8,00	22,80	
118	A6118	Điều dưỡng	Phạm Phương Kiều	23/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,50	7,50	8,50	22,50	
119	A6119	Điều dưỡng	Võ Thị Diễm My	16/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,90	7,80	8,50	24,20	
120	A6120	Điều dưỡng	Trương Thanh Thu	16/06/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2		6,80	7,40	7,70	21,90	
121	A6121	Dược	Võ Thị Ngọc Mỹ	11/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,80	8,90	8,90	26,60	
122	A6122	Điều dưỡng	Ngô Thị Tuyết Nhi	21/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,00	5,40	6,60	18,00	
123	A6123	Dược	Đặng Ngọc Mỹ Trân	14/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,20	8,50	6,25	21,95	
124	A6124	Y sĩ đa khoa	Trịnh Minh Phong	17/10/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	6,30	6,20	19,30	
125	A6125	Dược	Lê Thị Ngọc Giao	25/02/1998	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	2NT		7,20	7,10	6,80	21,10	
126	A6126	Điều dưỡng	Nguyễn Hoàng Xuyên	24/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,30	7,70	8,00	23,00	
127	A6127	Dược	Nguyễn Minh Danh	23/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,00	7,60	7,90	22,50	
128	A6128	Dược	Nguyễn Ngọc Phụng Quỳnh	21/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		5,10	5,00	7,00	17,10	
129	A6129	Điều dưỡng	Võ Thanh Vinh	14/04/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		6,80	7,10	7,70	21,60	
130	A6130	Dược	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	01/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,10	7,60	8,10	22,80	
131	A6131	Y sĩ đa khoa	Hồ Duy Hoàng Phúc	11/10/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,20	7,00	7,60	20,80	
132	A6132	Điều dưỡng	Huỳnh Kim Ngọc	30/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		8,00	8,30	9,10	25,40	
133	A6133	Điều dưỡng	Nguyễn Tuấn Tấn	10/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,00	8,50	9,10	25,60	
134	A6134	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Yến Trâm	08/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,10	5,70	7,10	18,90	
135	A6135	Điều dưỡng	Trương Khánh Thu	25/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		6,30	6,40	7,70	20,40	
136	A6136	Điều dưỡng	Huỳnh Hữu Thái	29/10/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,10	6,70	7,80	21,60	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
137	A6137	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Minh Tài	07/03/1996	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,80	8,60	8,30	24,70	
138	A6138	Điều dưỡng	Trần Thị Tường Vy	30/08/2006	Nữ	THPT	Long An	Châu Thành	2NT		7,50	7,20	7,80	22,50	
139	A6139	Y sĩ đa khoa	Mai Anh Tuấn Đạt	22/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		8,40	8,50	8,00	24,90	
140	A6140	Y sĩ đa khoa	Trịnh Trần Bảo Trang	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		6,70	7,40	7,70	21,80	
141	A6141	Dược	Lê Nguyễn Kiều Trân	14/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		7,60	8,10	8,90	24,60	
142	A6142	Dược	Huỳnh Thị Xuân Mai	06/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,30	6,40	7,30	21,00	
143	A6143	Điều dưỡng	Nguyễn Gia Hân	25/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,20	7,20	8,50	22,90	
144	A6144	Hộ sinh	Nguyễn Thị Anh Thư	16/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,40	8,00	8,70	24,10	
145	A6145	Dược	Huỳnh Quốc Tiến	25/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		7,40	7,70	8,40	23,50	
146	A6146	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thụy Thảo Nguyên	17/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,30	6,60	7,90	21,80	
147	A6147	Điều dưỡng	Nguyễn Trần Anh Thư	09/08/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,10	6,60	6,50	20,20	
148	A6148	Điều dưỡng	Nguyễn Trần Lan Anh	19/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,90	8,00	8,40	24,30	
149	A6149	Dược	Nguyễn Thị Diễm Mí	24/11/2006	Nữ	THPT	Sơn La	Yên Châu	2NT		6,70	5,90	6,90	19,50	
150	A6150	Dược	Võ Huỳnh Ngọc Hân	27/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		5,80	5,80	6,60	18,20	
151	A6151	Dược	Trần Khánh Thy	04/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		8,40	8,60	9,10	26,10	
152	A6152	Y sĩ đa khoa	Bùi Thanh Tùng	05/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	6,75	5,00	18,95	
153	A6153	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Phan Thúy Vy	23/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,20	7,50	8,30	24,00	
154	A6154	Dược	Lê Ngọc Phương Thùy	21/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,70	8,60	23,60	
155	A6155	Dược	Đỗ Thị Huỳnh Trâm	30/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	7,10	8,20	22,30	
156	A6156	Dược	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	05/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		8,10	7,90	8,30	24,30	
157	A6157	Điều dưỡng	Phan Thị Yến Nhi	11/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,00	5,90	6,60	18,50	
158	A6158	Dược	Lê Nguyễn Phương Uyên	02/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,60	7,75	6,25	20,60	
159	A6159	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Ngọc Huỳnh Như	21/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	5,90	6,80	18,90	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT ƯT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
160	A6160	Dược	Phạm Lê Phương Thảo	02/10/2006	Nữ	THPT	Vĩnh Long	Mang Thít	2NT		7,50	6,50	6,00	20,00	Thiếu CNTN, Bảng điểm thi TN
161	A6161	Dược	Nguyễn Ngọc Đoàn Trang	07/08/2006	Nữ	THPT	TP. HCM	Tân Bình	2		6,20	5,90	7,90	20,00	
162	A6162	Y sĩ đa khoa	Trần Minh Trức	07/05/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,50	6,80	8,20	22,50	
163	A6163	Điều dưỡng	Nguyễn Lữ Như Ngọc	26/06/2006	Nữ	THPT	Long An	TP Tân An	2		7,20	7,25	5,50	19,95	
164	A6164	Dược	Phan Thị Ngọc Hân	27/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,80	7,70	8,90	24,40	
165	A6165	Y sĩ đa khoa	Lê Minh Phú	08/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,40	6,70	7,60	21,70	
166	A6166	Dược	Đoàn Thúy Vy	21/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,00	6,40	7,70	21,10	
167	A6167	Điều dưỡng	Lý Quyền Trần	21/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,30	8,30	8,80	25,40	
168	A6168	Dược	Trần Đoàn Kim Tuyền	01/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		9,00	8,40	8,70	26,10	
169	A6169	Dược	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	30/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,00	6,50	8,10	21,60	
170	A6170	Dược	Phạm Cai Tường Vy	25/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		5,30	5,70	7,30	18,30	
171	A6171	Điều dưỡng	Phùng Thanh Thảo	19/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,50	7,20	7,90	22,60	
172	A6172	Dược	Nguyễn Anh Quang	12/03/2006	Nam	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2NT		6,90	7,00	8,50	22,40	
173	A6173	Dược	Võ Lê Minh Thư	04/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		8,00	8,90	8,90	25,80	
174	A6174	Dược	Nguyễn Thị Thu Ngân	14/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,90	9,20	9,20	27,30	
175	A6175	Điều dưỡng	Huỳnh Hiếu Trung	18/03/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		6,80	7,00	8,00	21,80	
176	A6176	Điều dưỡng	Mai Trang Huỳnh	16/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	7,20	7,20	21,60	
177	A6177	Dược	Lâm Trung Tín	06/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,20	7,10	8,00	22,30	
178	A6178	Điều dưỡng	Nguyễn Kim Hiếu	20/01/2006	Nữ	THPT	Hậu Giang	TP Ngã Bảy	2NT		7,00	7,10	7,50	21,60	
179	A6179	Dược	Ngô Thị Giao Linh	14/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		8,10	8,30	9,30	25,70	
180	A6180	Dược	Đỗ Thị Kim Chi	23/03/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,10	7,50	7,20	21,80	
181	A6181	Điều dưỡng	Lê Nguyễn Viễn Hương	14/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,20	7,50	6,25	19,95	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
182	A6182	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Bích Ân	26/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,50	8,60	8,80	25,90	
183	A6183	Điều dưỡng	Huỳnh Đức Duy	12/10/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		5,80	5,10	6,50	17,40	
184	A6184	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Lan Thanh	16/02/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		7,80	7,30	6,60	21,70	
185	A6185	Y sĩ đa khoa	Lê Trần Tấn Đạt	18/04/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		5,80	5,25	6,75	17,80	
186	A6186	Dược	Trần Thị Ngọc Như Ý	20/06/2003	Nữ	THPT	Long An	Châu Thành	2NT		7,50	7,70	8,10	23,30	
187	A6187	Dược	Nguyễn Lan Quyên	02/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,20	7,40	8,20	22,80	
188	A6188	Điều dưỡng	Nguyễn Hồng Ân	11/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		8,00	6,80	8,70	23,50	
189	A6189	Điều dưỡng	Đinh Thị Gia Hân	12/11/2006	Nữ	THPT	Long An	Thủ Thừa	2NT		7,80	8,30	8,30	24,40	
190	A6190	Điều dưỡng	Võ Quang Triệu Phú	02/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		7,30	6,70	7,90	21,90	
191	A6191	Điều dưỡng	Phạm Thị Ngọc Minh	16/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,80	7,70	8,60	24,10	
192	A6192	Điều dưỡng	Đỗ Phúc Nguyên	16/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,30	6,50	7,70	20,50	
193	A6193	Điều dưỡng	Lê Đình Quyên	29/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,20	7,75	8,25	22,20	
194	A6194	Điều dưỡng	Trần Quỳnh Như	31/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		8,00	8,10	8,60	24,70	
195	A6195	Điều dưỡng	Phạm Thị Yến Trang	21/03/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Thạnh Phú	2NT		6,10	7,50	7,50	21,10	
196	A6196	Điều dưỡng	Trần Thị Ngọc Giao	27/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	7,40	8,30	22,70	
197	A6197	Dược	Nguyễn Minh Tiến	02/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,60	6,90	8,00	22,50	
198	A6198	Y sĩ đa khoa	Dương Thanh Ngọc	05/10/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		5,00	7,25	7,25	19,50	
199	A6199	Y sĩ đa khoa	Phùng Nguyễn Ngọc Sang	08/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,70	8,00	8,80	24,50	
200	A6200	Y sĩ đa khoa	Đoàn Nguyễn Quốc Huy	20/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		6,50	6,00	7,90	20,40	
201	A6201	Dược	Nguyễn Thùy Hậu	21/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,20	8,10	9,10	25,40	
202	A6202	Điều dưỡng	Dương Phát Đạt	03/02/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,70	8,70	8,80	26,20	
203	A6203	Dược	Nguyễn Khánh An	15/05/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,40	7,00	7,00	21,40	
204	A6204	Điều dưỡng	Lê Như Ngọc Tuyền	13/07/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,10	6,40	7,70	21,20	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
205	A6205	Điều dưỡng	Dương Thành Đạt	10/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		6,00	7,25	6,25	19,50	
206	A6206	Y sĩ đa khoa	Điêu Thị Hồng Yến	19/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		8,30	8,60	8,80	25,70	
207	A6207	Dược	Trần Phương Huỳnh	22/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,30	6,40	7,10	19,80	
208	A6208	Y sĩ đa khoa	Lê Trần Phúc Lộc	17/08/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,70	7,40	7,80	22,90	
209	A6209	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Ngọc Yến	03/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		6,50	6,20	7,50	20,20	
210	A6210	Dược	Phùng Thanh Xuân	20/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		9,30	9,30	9,40	28,00	
211	A6211	Dược	Phạm Nhã Thy	13/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,60	6,40	8,40	21,40	
212	A6212	Dược	Phạm Thị Diễm My	11/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		7,50	7,60	8,10	23,20	Trùng hồ sơ 462
213	A6213	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Mỹ Yến	06/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,50	6,80	7,80	21,10	
214	A6214	Điều dưỡng	Nguyễn Ngọc Yến Vy	06/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,30	7,80	8,30	24,40	
215	A6215	Điều dưỡng	Võ Thị Yến Linh	04/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,80	8,70	23,90	
216	A6216	Điều dưỡng	Hồ Phạm Phương Dung	22/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	6,40	8,20	21,80	
217	A6217	Dược	Nguyễn Hồng Vân	16/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,30	7,60	22,30	
218	A6218	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Ngọc Tường Vy	30/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		8,80	8,60	8,20	25,60	
219	A6219	Điều dưỡng	Huỳnh Thị Ngọc Hà	23/09/2006	nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		7,30	7,30	7,90	22,50	
220	A6220	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		7,20	6,70	7,20	21,10	
221	A6221	Điều dưỡng	Nguyễn Cảnh Tân	04/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,25	6,75	21,00	
222	A6222	Dược	Huỳnh Thị Yến Linh	28/12/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Thạnh Phú	2NT		8,20	8,10	8,50	24,80	
223	A6223	Dược	Phạm Huỳnh Minh Nghi	11/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,80	6,50	7,80	21,10	
224	A6224	Dược	Đào Võ Ngọc Như	02/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	8,25	7,25	22,50	
225	A6225	Dược	Nguyễn Thị Triều Châu	24/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,10	7,20	7,90	22,20	
226	A6226	Điều dưỡng	Bùi Đoàn Thanh Loan	23/05/2006	Nữ	THPT	Đồng Nai	Biên Hòa	2		7,00	6,90	7,70	21,60	
227	A6227	Điều dưỡng	Ngô Hoàng Huy	29/04/2001	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,90	7,70	8,90	23,50	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
228	A6228	Điều dưỡng	Trần Thị Ngọc Hân	29/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		5,70	6,00	7,40	19,10	
229	A6229	Điều dưỡng	Trần Phước Nguyên	21/10/2006	Nữ	THPT	An Giang	An Phú	2		6,90	7,40	7,40	21,70	
230	A6230	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Duy Tân	01/06/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		6,60	7,50	8,30	22,40	
231	A6231	Y sĩ đa khoa	Trương Nhật Kha	20/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công	2		6,20	6,50	7,00	19,70	
232	A6232	Dược	Phan Thị Hồng Diễm	25/01/1999	Nữ	THPT	Sóc Trăng	TP. Sóc Trăng	1		6,10	7,20	8,30	21,60	
233	A6233	Dược	Lê Tạ Gia Yên	22/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,60	8,50	6,50	22,60	
234	A6234	Điều dưỡng	Trần Quốc An	19/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,80	8,60	23,70	
235	A6235	Dược	Nguyễn Văn Trung Lượng	07/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2		7,80	8,10	8,50	24,40	
236	A6236	Y sĩ đa khoa	Lưu Thái Diễm My	20/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,80	8,30	9,20	25,30	
237	A6237	Điều dưỡng	Trần Ngô Minh Thư	01/02/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân Trụ	2NT		8,10	8,20	8,40	24,70	
238	A6238	Y sĩ đa khoa	Trần Quốc Đạt	23/10/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		8,40	8,50	8,70	25,60	
239	A6239	Điều dưỡng	Phan Minh Đức	27/05/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,10	8,40	8,90	25,40	
240	A6240	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Hoàng Bảo Anh	22/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	3		7,10	7,00	7,50	21,60	
241	A6241	Dược	Bồ Quốc Thắng	29/04/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	2NT		6,30	6,60	6,80	19,70	
242	A6242	Điều dưỡng	Đoàn Hữu Tín	25/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,80	7,90	8,50	24,20	Thiếu CNTN
243	A6243	Điều dưỡng	Lưu Trọng Hậu	22/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,40	7,80	8,50	23,70	
244	A6244	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	17/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		5,80	8,25	7,25	21,30	
245	A6245	Y sĩ đa khoa	Âu Phúc Thịnh	15/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		7,00	6,30	7,40	20,70	
246	A6246	Điều dưỡng	Nguyễn Mộng Tường Vy	15/09/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		5,30	5,80	6,90	18,00	
247	A6247	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Trọng Tính	29/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		5,70	6,00	7,60	19,30	
248	A6248	Dược	Đinh Trung Nhân	16/12/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,80	8,40	8,50	24,70	
249	A6249	Y sĩ đa khoa	Hồ Ngọc Như Quỳnh	30/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,60	7,30	8,00	22,90	
250	A6250	Dược	Nguyễn Thị Ngọc Vy	12/11/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		6,30	6,50	6,30	19,10	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
251	A6251	Điều dưỡng	Bùi Ngọc Ngân	07/03/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		6,40	5,70	7,00	19,10	
252	A6252	Điều dưỡng	Nguyễn Thanh Phong	05/05/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,00	8,50	7,00	22,50	
253	A6253	Điều dưỡng	Phạm Nguyễn Ánh Linh	16/08/2006	Nữ	THPT	Tây Ninh	Tân Biên	2NT		7,30	7,40	8,70	23,40	
254	A6254	Dược	Huỳnh Ngọc Thùy	20/08/2000	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,50	7,60	7,90	23,00	
255	A6255	Điều dưỡng	Đào Thị Linh Kha	05/03/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		7,10	6,90	8,00	22,00	
256	A6256	Dược	Nguyễn Thị Yến Nhi	05/08/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		7,60	7,50	7,25	22,35	
257	A6257	Dược	Đặng Trần Diễm Thúy	07/09/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		7,40	7,00	7,25	21,65	
258	A6258	Điều dưỡng	Nguyễn Thành Vinh	12/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2NT		6,40	5,90	6,10	18,40	
259	A6259	Điều dưỡng	Phạm Phát Tài	02/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TX Gò Công	2NT		6,30	5,60	6,40	18,30	
260	A6260	Dược	Lê Đặng Huỳnh Trâm	19/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,70	7,80	8,00	23,50	
261	A6261	Y sĩ đa khoa	Tô Huỳnh Liễu My	31/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,60	8,20	8,20	25,00	
262	A6262	Dược	Hồ Huỳnh Hương	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,50	7,10	8,40	23,00	
263	A6263	Điều dưỡng	Trần Thị Như Huyền	26/06/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		9,10	8,90	9,00	27,00	
264	A6264	Điều dưỡng	Võ Trung Vĩnh	19/09/2006	Nam	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		7,10	7,00	8,20	22,30	
265	A6265	Dược	Nguyễn Minh Thy	04/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,40	7,80	9,10	24,30	
266	A6266	Hộ sinh	Đới Thị Hồng Cúc	23/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	1		8,00	8,00	7,25	23,25	
267	A6267	Điều dưỡng	Huỳnh Văn Phúc Đô	09/08/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Thạnh Phú	2NT		6,30	6,70	7,00	20,00	
268	A6268	Điều dưỡng	Tạ Thị Minh Nguyệt	11/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		5,40	6,00	7,25	18,65	
269	A6269	Y sĩ đa khoa	Phạm Hoài Trọng Nghĩa	29/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,80	7,75	7,50	22,05	
270	A6270	Dược	Nguyễn Trần Mỹ Duyên	22/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		8,30	8,30	8,80	25,40	
271	A6271	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thành Nhân	17/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,90	6,20	6,60	18,70	
272	A6272	Điều dưỡng	Nguyễn Vũ Tố Như	09/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,60	5,70	4,70	16,00	
273	A6273	Dược	Phạm Thị Ngọc Truyền	15/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		8,10	7,90	8,60	24,60	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
274	A6274	Dược	Ngô Thị Thanh Ngân	15/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,80	9,10	9,10	27,00	
275	A6275	Hộ sinh	Phạm Ngọc Gia Hân	04/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,40	7,80	8,60	24,80	
276	A6276	Dược	Huỳnh Thị Hồng Ngọc	16/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2NT		8,00	7,50	8,00	23,50	
277	A6277	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thanh Nga	02/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,50	7,30	8,00	22,80	
278	A6278	Điều dưỡng	Phùng Thị Thuý Quỳnh	22/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,50	8,70	8,90	26,10	
279	A6279	Dược	Nguyễn Thị Trúc Lam	09/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		8,30	8,50	8,90	25,70	
280	A6280	Y sĩ đa khoa	Trần Khánh Thy	19/09/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,10	7,80	7,80	22,70	
281	A6281	Dược	Đỗ Thị Kim Ngân	07/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		8,70	8,40	8,80	25,90	
282	A6282	Điều dưỡng	Trần Thị Mỹ Duyên	17/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,00	7,10	7,60	21,70	
283	A6283	Dược	Nguyễn Thị Thanh Thảo	15/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		5,90	5,80	7,80	19,50	
284	A6284	Dược	Phạm Thị Thảo	04/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		5,80	5,00	7,00	17,80	
285	A6286	Dược	Lê Đặng Tú Quyên	29/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		8,10	8,00	8,20	24,30	
286	A6287	Điều dưỡng	Lê Nguyễn Thùy Trang	27/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,50	7,10	8,00	22,60	
287	A6288	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Minh Thái	02/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		6,60	6,70	7,60	20,90	
288	A6289	Dược	Đỗ Thị Ngọc Thư	08/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,90	8,00	8,40	24,30	
289	A6290	Dược	Võ Trần Mỹ Nguyên	09/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,10	7,90	8,80	23,80	
290	A6291	Điều dưỡng	Nguyễn Kiều Phương Trinh	08/04/2024	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		9,30	8,90	8,30	26,50	
291	A6292	Dược	Ngô Tường Quân	24/09/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		8,50	8,30	8,30	25,10	
292	A6293	Điều dưỡng	Trần Thị Kim Thùy	04/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,70	6,30	7,10	20,10	
293	A6294	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Ngọc Thuy	07/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,30	7,30	7,50	22,10	
294	A6295	Điều dưỡng	Nguyễn Lý Vân Nhi	28/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		8,00	8,80	8,80	25,60	
295	A6296	Điều dưỡng	Lê Thị Minh Nguyệt	12/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		7,00	7,20	8,40	22,60	
296	A6297	Dược	Trương Thị Trúc Linh	19/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,10	7,30	8,40	22,80	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
297	A6298	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Việt Huy	30/10/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,50	6,90	8,10	22,50	
298	A6299	Y sĩ đa khoa	Lê Phạm Gia Huy	30/08/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,80	7,60	7,80	23,20	
299	A6300	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	16/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2		6,70	7,10	8,30	22,10	
300	A6301	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Tiến Duật	28/03/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Thạnh Phú	2NT		8,00	8,70	8,00	24,70	
301	A6302	Dược	Lê Thị Ngọc Cẩm	23/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,90	7,90	8,50	24,30	
302	A6303	Điều dưỡng	Lâm Thị Như Ngọc	29/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,90	8,60	8,80	25,30	
303	A6304	Điều dưỡng	Lê Trần Mỹ Trang	03/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,20	7,60	7,90	22,70	
304	A6305	Dược	Nguyễn Thành Đạt	22/02/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	7,30	7,50	21,10	
305	A6306	Điều dưỡng	Bùi Nguyễn Hoàng Trân	20/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2NT		8,30	8,30	8,80	25,40	
306	A6307	Hộ sinh	Võ Thị Bích Như	20/01/1994	Nữ	THPT	TP. HCM	Cần Giờ	2		6,10	6,30	6,20	18,60	
307	A6308	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	19/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	6,10	7,40	20,40	
308	A6309	Dược	Lý Ngọc Huyền Trâm	07/10/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		7,60	7,50	7,80	22,90	
309	A6310	Dược	Lê Nguyễn Thị Minh Thư	09/09/2006	Nữ	THPT	Long An	Thị xã Kiến Tường	2		7,40	7,20	8,20	22,80	
310	A6311	Y sĩ đa khoa	Tô Hải Đăng	18/07/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,40	8,70	9,00	26,10	
311	A6312	Điều dưỡng	Lê Thị Tuyết Anh	07/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,60	6,90	7,70	21,20	
312	A6313	Hộ sinh	Nguyễn Ngọc Phương Quỳnh	17/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,00	8,50	8,90	25,40	
313	A6314	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12/11/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,70	7,70	8,20	23,60	
314	A6315	Điều dưỡng	Nguyễn Cao Thái Sang	20/12/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,90	7,70	7,50	23,10	
315	A6316	Dược	Phan Thành Thảo Vy	12/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	3		5,80	7,90	8,60	22,30	
316	A6317	Dược	Lê Thúy Vi	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		5,50	5,90	7,00	18,40	
317	A6318	Dược	Phạm Văn Lượng	13/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,20	8,25	7,75	24,20	
318	A6319	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Yến Duyên	15/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,00	8,50	7,00	21,50	
319	A6320	Y sĩ đa khoa	Phạm Mạnh Cường	26/03/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,20	5,30	4,70	16,20	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
320	A6321	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Huỳnh Quốc Anh	30/10/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		6,80	6,90	7,50	21,20	
321	A6322	Điều dưỡng	Nguyễn Lê Kim Phương	12/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,00	6,30	7,50	20,80	
322	A6323	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thanh Nhân	10/01/2006	Nam	THPT	Long An	Thủ Thừa	2NT		8,20	8,10	8,30	24,60	
323	A6324	Điều dưỡng	Võ Thị Thu Ngân	11/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		6,90	6,90	7,80	21,60	
324	A6325	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Vũ Phú Thịnh	30/10/2006	Nam	THPT	Long An	Đức Hòa	2NT		6,40	6,50	7,70	20,60	
325	A6326	Điều dưỡng	Nguyễn Nguyễn Hồn Thắm	14/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		7,90	7,00	8,50	23,40	
326	A6327	Y sĩ đa khoa	Ung Hoàng Khang	20/02/2026	Nam	THPT	Đồng Tháp	Tháp Mười	2NT		7,80	8,40	8,20	24,40	
327	A6328	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Anh Tuấn	30/09/1977	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		10,00	6,00	6,50	22,50	
328	A6329	Dược	Nguyễn Ngọc Thi	15/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,20	7,90	22,40	
329	A6330	Điều dưỡng	Đặng Minh Thư	11/06/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		8,00	7,90	8,00	23,90	
330	A6331	Dược	Phan Triệu Vy	25/02/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		5,20	5,70	7,70	18,60	
331	A6332	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Văn Thanh	29/06/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,90	5,50	5,50	16,90	
332	A6333	Điều dưỡng	Võ Nguyễn Thúy Ngân	08/03/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,40	6,70	7,20	21,30	
333	A6334	Dược	Hồ Ngọc Thanh An	14/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,30	6,30	7,80	20,40	
334	A6335	Điều dưỡng	Võ Thị Tường Duy	22/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,40	6,50	7,40	20,30	
335	A6336	Y sĩ đa khoa	Chung Thị Huỳnh Như	28/05/1987	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	7,00	7,30	21,30	
336	A6337	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	07/05/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		7,30	7,40	8,60	23,30	
337	A6338	Dược	Lê Nguyễn Ngọc Trâm	05/01/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		6,90	7,00	7,80	21,70	
338	A6339	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Thúy Ngân	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		6,80	7,00	7,30	21,10	
339	A6340	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Nhứt Mỹ	07/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,20	7,80	7,90	22,90	
340	A6341	Điều dưỡng	Nguyễn Ngọc Bảo Hòa	29/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,30	8,00	8,80	25,10	
341	A6342	Dược	Huỳnh Trần Quế Trân	27/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,50	7,30	8,50	23,30	
342	A6343	Y sĩ đa khoa	Trương Thị Kim Nga	31/08/1971	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		10,00	5,00	9,00	24,00	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
343	A6344	Dược	Nguyễn Văn Minh. Chí	18/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		7,90	8,30	8,50	24,70	
344	A6345	Dược	Phạm Thị Kim Trang	21/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		7,40	7,20	7,90	22,50	
345	A6346	Dược	Phạm Thị Hải Yến	16/09/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,30	8,00	8,20	24,50	
346	A6347	Y sĩ đa khoa	Trần Minh Kha	17/08/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,40	6,60	7,40	20,40	
347	A6348	Y sĩ đa khoa	Ngô Quốc Chương	22/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,20	7,30	8,00	22,50	
348	A6349	Điều dưỡng	Trần Thị Yến Nhi	05/08/1997	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		7,10	6,60	6,80	20,50	
349	A6350	Dược	Nguyễn Ngọc Thành	20/04/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		7,10	6,90	8,10	22,10	
350	A6351	Điều dưỡng	Nguyễn Tuyết Nhi	28/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,80	6,80	8,50	23,10	
351	A6352	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/02/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,00	7,80	7,10	22,90	
352	A6353	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thanh Tâm	19/02/1992	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,10	5,90	5,20	16,20	
353	A6354	Dược	Nguyễn Gia Hân	04/10/2006	Nữ	THPT	Long An	Châu Thành	2NT		7,60	7,80	8,50	23,90	
354	A6355	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Ngọc Quế Trân	17/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2NT		6,20	7,40	7,90	21,50	
355	A6356	Điều dưỡng	Võ Thị Kim Ngọc	21/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,50	6,70	8,00	21,20	
356	A6357	Y sĩ đa khoa	Ứng Thông Thái	10/03/1999	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,60	7,00	6,40	20,00	
357	A6358	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Bích Ngoan	13/04/1995	Nữ	THPT	Long An	Thạnh Hoá	2NT		6,50	9,00	7,00	22,50	
358	A6359	Dược	Đặng Nguyễn Phươn; Thuỳ	24/09/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		6,60	7,50	7,25	21,35	
359	A6360	Y sĩ đa khoa	Trần Nguyễn Đức Nguyên	11/12/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		4,80	8,00	5,50	18,30	
360	A6361	Dược	Bùi Thị Kim Ngân	12/06/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,60	7,10	7,40	21,10	
361	A6362	Y sĩ đa khoa	Huỳnh Minh Hiếu	01/01/1987	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	6,80	6,00	19,80	
362	A6363	Y sĩ đa khoa	Võ Thị Bích Liên	19/04/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,40	8,90	8,90	26,20	
363	A6364	Y sĩ đa khoa	Phạm Thị Hiệp	21/01/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		6,20	6,10	6,30	18,60	
364	A6365	Dược	Nguyễn Hoàng Thơ	26/07/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		7,30	6,80	7,60	21,70	
365	A6366	Dược	Nguyễn Thị Mỹ Huyền	23/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		8,10	8,30	8,90	25,30	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
366	A6367	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Kim Yến	04/12/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	6,30	6,90	19,50	
367	A6368	Y sĩ đa khoa	Huỳnh Hồng Nguyệt	29/10/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		9,50	7,00	5,00	21,50	
368	A6369	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Khánh Ân	09/04/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		8,10	7,40	8,00	23,50	
369	A6370	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Như Quỳnh	02/08/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		8,10	8,10	8,40	24,60	
370	A6371	Y sĩ đa khoa	Võ Thị Mộng Thanh	28/01/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,80	6,50	6,90	19,20	
371	A6372	Y sĩ đa khoa	Tô Công Minh	25/03/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,80	8,60	23,70	
372	A6373	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Diễm Hương	13/10/1997	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,90	6,30	7,40	19,60	
373	A6374	Y sĩ đa khoa	Dương Thị Thanh Thuý	15/10/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		6,30	5,50	6,10	17,90	
374	A6375	Y sĩ đa khoa	Lê Phương Linh	14/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,70	7,60	8,50	23,80	
375	A6376	Điều dưỡng	Võ Huỳnh Ngọc Diệp	18/11/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		7,70	7,80	8,10	23,60	
376	A6377	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thanh Phúc	18/07/1992	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,70	7,10	6,40	20,20	
377	A6378	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Văn Vân	22/10/1971	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,10	6,90	6,60	20,60	
378	A6379	Y sĩ đa khoa	Trần Văn Chương	06/06/1970	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		4,00	4,00	5,00	13,00	
379	A6380	Điều dưỡng	Trần Thị Ngọc Châu	27/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		8,10	7,60	8,00	23,70	
380	A6381	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Thu Hằng	02/03/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	5,60	6,60	18,80	
381	A6382	Y sĩ đa khoa	Lâm Thị Trúc Linh	27/08/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,50	6,50	6,50	19,50	
382	A6383	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Ngọc Lan	26/12/1974	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,00	6,50	5,90	17,40	
383	A6384	Y sĩ đa khoa	Ngô Thị Ngọc Diệp	23/10/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	6,80	7,30	21,10	
384	A6385	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Trường Nhật Nam	07/09/1991	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,90	6,80	6,60	19,30	
385	A6386	Điều dưỡng	Nguyễn Minh Luân	18/01/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,30	5,90	7,00	19,20	
386	A6387	Dược	Bùi Thị Luyến	25/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,40	6,10	7,10	19,60	
387	A6388	Dược	Ngô Thanh Thanh	30/01/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		6,50	6,20	6,70	19,40	
388	A6389	Y sĩ đa khoa	Triệu Thị Phương Nghi	11/07/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân Thạnh	2NT		7,60	8,40	9,10	25,10	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
389	A6390	Y sĩ đa khoa	Phạm Thị Hạnh	05/07/1974	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2			6,20	7,10	13,30	Không có điểm lớp 10
390	A6391	Dược	Nguyễn Văn Ga Duy Đall	20/12/2003	Nam	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		6,50	6,10	6,20	18,80	
391	A6392	Y sĩ đa khoa	Đào Thị Thùy Trang	31/08/1979	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,50	7,30	7,80	22,60	
392	A6393	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Hữu Dư	01/04/1994	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	2NT		7,20	7,10	6,70	21,00	
393	A6394	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Quốc Thương	22/03/1993	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,80	8,30	8,40	24,50	
394	A6395	Y sĩ đa khoa	Phạm Thị Kiều Trân	24/07/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		8,50	6,50	7,00	22,00	
395	A6396	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Dung	06/08/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		9,00	6,50	8,00	23,50	
396	A6397	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Huỳnh Phụng Quyên	25/07/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		7,20	7,10	6,90	21,20	
397	A6398	Y sĩ đa khoa	Trần Thanh Trúc	02/01/1985	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,70	7,50	6,40	20,60	
398	A6399	Y sĩ đa khoa	Ngô Thị Kết	26/06/1972	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,00	5,00	5,00	15,00	
399	A6400	Điều dưỡng	Trần Thị Kim Ngân	25/02/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,70	6,70	7,60	21,00	
400	A6401	Điều dưỡng	Lê Thị Phương Trang	07/02/2006	Nữ	THPT	Long An	Tân An	2		9,00	9,20	9,00	27,20	
401	A6402	Điều dưỡng	Võ Duy Thanh	18/12/2006	Nam	THPT	Long An	Tân An	2		7,40	8,50	8,30	24,20	
402	A6403	Điều dưỡng	Nguyễn Thành Luân	08/08/2004	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,30	8,00	7,90	23,20	
403	A6404	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thanh Ngọc	13/10/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,30	8,30	8,40	25,00	
404	A6405	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Ngọc Xuyên	25/10/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,70	6,30	6,50	19,50	
405	A6406	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Minh Thư	11/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,50	7,10	7,40	21,00	
406	A6407	Dược	Bùi Thị Kiều Oanh	22/12/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,00	8,40	8,50	24,90	
407	A6408	Điều dưỡng	Nguyễn Thái Vỹ	19/10/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		6,90	7,30	7,80	22,00	
408	A6409	Dược	Nguyễn Thị Thiện Đoan	31/05/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		6,90	7,00	7,70	21,60	
409	A6410	Dược	Ngô Thanh Anh Thư	10/12/2002	Nữ	THPT	TP. HCM	Quận 7	3		7,70	7,40	7,90	23,00	
410	A6411	Điều dưỡng	Huỳnh Thị Kim Ngân	16/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2		5,20	5,40	7,20	17,80	
411	A6412	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Thùy Linh	18/06/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,10	6,10	6,50	18,70	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THI SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
412	A6413	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Quyền Trang	01/08/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,10	6,80	6,90	20,80	
413	A6414	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16/12/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,80	6,80	6,80	20,40	
414	A6415	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Đình Tuyết Vân	16/02/2000	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,50	7,40	8,10	23,00	
415	A6416	Y sĩ đa khoa	Lâm Nguyễn Hải Đăng	29/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,00	8,50	8,50	24,00	
416	A6417	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thụy Thúy Hồng	26/12/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,00	6,70	7,10	20,80	
417	A6418	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Xứng	24/12/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,70	6,70	6,70	20,10	
418	A6419	Y sĩ đa khoa	Đặng Huỳnh Trọng Nghĩa	11/04/1997	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2		6,30	6,70	7,20	20,20	
419	A6420	Y sĩ đa khoa	Phạm Kim Quyên	13/02/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		5,70	5,70	5,90	17,30	
420	A6421	Y sĩ đa khoa	Hồ Thị Cẩm Nhung	22/08/2005	Nữ	THPT	Bến Tre	Châu Thành	2NT		6,30	6,00	7,10	19,40	
421	A6422	Y sĩ đa khoa	Đoàn Xuân An	19/12/1986	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,10	6,10	6,10	18,30	
422	A6423	Điều dưỡng	Nguyễn Ngọc Hân	22/08/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,20	7,30	8,00	22,50	
423	A6424	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thùy Linh	19/11/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,70	7,50	7,40	21,60	
424	A6425	Y sĩ đa khoa	Phạm Thành Tân	06/06/1986	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,50	4,90	5,30	15,70	
425	A6426	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	02/05/1987	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,50	6,50	5,00	18,00	
426	A6427	Y sĩ đa khoa	Võ Thị Thùy	05/05/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,20	7,50	22,10	
427	A6428	Y sĩ đa khoa	Võ Ngọc Tuấn	15/02/1974	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		6,50	8,00	9,00	23,50	
428	A6429	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	01/01/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		5,80	6,40	6,70	18,90	
429	A6430	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thảo Nguyên	26/02/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		5,90	5,90	6,70	18,50	
430	A6431	Dược	Phạm Ngọc Trang Huyền	05/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	2NT		7,50	7,40	8,20	23,10	
431	A6432	Y sĩ đa khoa	Mai Trần Ái Ny	05/09/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		7,30	7,80	7,70	22,80	
432	A6433	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Kim An	06/01/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,10	6,30	6,30	18,70	
433	A6434	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thanh Tâm	21/01/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	6,30	6,30	19,20	
434	A6435	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Bé Ba	12/10/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2NT		6,10	6,30	6,20	18,60	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
435	A6436	Y sĩ đa khoa	Phạm Quốc Thái	01/01/1973	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,00	5,00	5,00	15,00	
436	A6437	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Kim Thào	20/11/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		5,90	5,60	6,50	18,00	
437	A6438	Y sĩ đa khoa	Võ Thị Ngọc Thi	13/11/1997	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		6,70	6,60	7,00	20,30	
438	A6439	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thanh Tròn	26/05/1979	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		5,80	6,10	5,10	17,00	
439	A6440	Y sĩ đa khoa	Trương Thị Thanh Tuyền	24/02/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		7,50	7,10	7,10	21,70	
440	A6441	Y sĩ đa khoa	Võ Thị Nhưường	27/03/1977	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		5,90	5,50	5,80	17,20	
441	A6442	Y sĩ đa khoa	Đặng Văn Em	01/01/1987	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2		6,20	5,90	5,70	17,80	
442	A6443	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Minh Duy	11/05/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	5,50	4,50	17,00	
443	A6444	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Ngọc Tiên	18/03/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,80	6,40	5,80	19,00	
444	A6445	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Diệu Thống	04/10/1983	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,70	5,40	5,40	16,50	
445	A6446	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thành Trung	10/05/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	7,20	6,30	20,50	
446	A6447	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thuý Trang	15/04/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		9,50	8,00	7,00	24,50	
447	A6448	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Bông	22/12/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	6,50	6,00	19,50	
448	A6449	Y sĩ đa khoa	Đặng Thanh Tuấn	01/01/1971	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,00	5,00	5,00	15,00	
449	A6450	Y sĩ đa khoa	Phùng Thị Ngoan	12/09/1980	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,70	5,80	5,80	17,30	
450	A6451	Dược	Nguyễn Hoàng Lực	17/10/2006	Nam	THPT	Vĩnh Long	TP Vĩnh Long	2		7,00	7,50	8,50	23,00	
451	A6452	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Hữu Đông	02/03/1992	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,40	6,40	6,00	18,80	
452	A6453	Dược	Liêu Huỳnh Xuân Nghi	12/11/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		8,40	8,50	6,75	23,65	
453	A6454	Y sĩ đa khoa	Trần Ngọc Mai Trúc	23/06/1993	Nữ	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2NT		5,50	6,10	5,80	17,40	
454	A6455	Y sĩ đa khoa	Lê Minh Hiếu	18/08/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		6,00	6,20	6,30	18,50	
455	A6456	Dược	Phạm Anh Khoa	20/06/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,90	6,30	7,20	20,40	
456	A6457	Dược	Trương Dương Hoàn Sơn	25/09/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	2		7,60	7,75	7,00	22,35	
457	A6458	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Văn Thận	01/01/1976	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,80	8,50	9,50	24,80	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
458	A6459	Y sĩ đa khoa	Võ Hoài Nhân	07/09/1993	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	KV3		5,70	5,70	6,00	17,40	
459	A6460	Y sĩ đa khoa	Lê Minh Huyền	30/01/1985	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,00	6,30	5,40	17,70	
460	A6461	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thanh Trúc	15/08/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,10	7,00	21,50	
461	A6462	Dược	Phạm Thị Diễm My	11/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		7,50	7,60	8,10	23,20	
462	A6463	Y sĩ đa khoa	Phan Lê Tường Vy	16/06/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,40	8,90	8,90	26,20	
463	A6464	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Ngọc Bích	24/10/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,50	6,50	5,00	18,00	
464	A6465	Điều dưỡng	Nguyễn Huỳnh Nhứt Phát	31/01/2005	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,20	7,30	8,40	22,90	
465	A6466	Y sĩ đa khoa	Phan Thị Ngân	22/08/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		9,00	8,50	7,00	24,50	
466	A6467	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Châu Linh	18/04/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,30	6,10	6,30	18,70	
467	A6468	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	27/07/2005	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	7,40	7,80	21,80	
468	A6469	Điều dưỡng	Nguyễn Thị Thanh Trúc	02/04/2004	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,40	7,70	8,30	23,40	
469	A6470	Y sĩ đa khoa	Võ Thị Thanh Trúc	12/07/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		5,90	6,10	5,70	17,70	
470	A6471	Y sĩ đa khoa	Lưu Văn Tâm	15/05/1971	Nam	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	2NT		6,50	6,50	5,00	18,00	
471	A6472	Dược	Lê Hoàng Dung	17/04/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,00	7,90	21,90	
472	A6473	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thành Vinh	12/12/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Gò Công	2		6,40	5,90	6,10	18,40	
473	A6474	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Huỳnh Trân	28/06/1997	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	7,00	7,30	20,90	
474	A6475	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Lựu	01/02/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		6,00	6,20	6,30	18,50	
475	A6476	Y sĩ đa khoa	Phan Trịnh Công	10/04/1991	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,50	8,00	8,00	21,50	
476	A6477	Điều dưỡng	Dương Thị Diễm My	12/07/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		8,10	8,40	8,40	24,90	
477	A6478	Y sĩ đa khoa	Lương Thị Vân Hào	16/04/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	6,60	5,90	19,70	
478	A6479	Y sĩ đa khoa	Phạm Trần Hoài Trang	10/08/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		5,90	5,90	6,00	17,80	
479	A6480	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	07/02/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,90	7,30	7,30	20,50	
480	A6481	Y sĩ đa khoa	Phạm Hữu Danh	28/02/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	8,50	7,50	23,00	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
481	A6482	Y sĩ đa khoa	Dương Tuấn Khanh	27/06/2000	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,50	6,10	7,10	19,70	
482	A6483	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thái Trân	27/04/2001	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,00	6,80	7,90	20,70	
483	A6484	Y sĩ đa khoa	Lâm Nhật Ánh	15/07/1987	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,10	6,20	5,40	17,70	
484	A6485	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thanh Hiền	15/10/1985	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,70	5,80	5,50	17,00	
485	A6486	Dược	Nguyễn Huỳnh Mai	15/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		8,50	8,10	8,30	24,90	
486	A6487	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Võ Khánh Vy	25/11/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Tân An	2		8,00	7,70	8,30	24,00	
487	A6488	Y sĩ đa khoa	Phan Văn Nguyễn	07/09/1968	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,00	8,00	7,00	22,00	
488	A6489	Y sĩ đa khoa	Trương Thị Mai Nhi	08/08/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,20	7,00	7,10	21,30	
489	A6490	Y sĩ đa khoa	Bùi Cao Thế	06/08/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,50	7,00	8,50	23,00	
490	A6491	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Trung Chánh	24/01/1987	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		6,20	6,30	6,30	18,80	
491	A6492	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Hoàng Anh Duy	29/11/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2		7,00	6,00	8,00	21,00	
492	A6493	Y sĩ đa khoa	Âu Dương Phong	24/09/2001	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,40	6,40	7,50	20,30	
493	A6494	Dược	Trần Văn Khôi	05/11/1997	Nam	THPT	Long An	Vĩnh Hưng	2NT		8,20	8,40	8,00	24,60	
494	A6495	Dược	Phạm Nguyễn Phươn Vy	30/03/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	TP Bến Tre	2		7,20	6,20	7,00	20,40	
495	A6496	Hộ sinh	Ngô Gia Hân	23/05/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		8,40	8,40	8,70	25,50	
496	A6497	Y sĩ đa khoa	Lê Ngọc Trinh	15/06/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phú Đông	2NT		6,70	6,50	6,70	19,90	
497	A6498	Y sĩ đa khoa	Phan Thị Thanh Thuý	22/10/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	7,10	6,50	20,50	
498	A6499	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Đoan Trinh	13/06/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,50	6,00	5,90	17,40	
499	A6500	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Tuyết Hân	08/08/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	6,80	7,10	20,80	
500	A6501	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Cẩm Nhung	11/02/1985	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,40	7,30	7,20	21,90	
501	A6502	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Diễm Hương	01/01/1973	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	3		6,00	9,50	10,00	25,50	
502	A6503	Dược	Nguyễn Thị Ngọc Hân	04/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		8,90	8,60	8,60	26,10	
503	A6504	Dược	Lê Nguyễn Lâm Nhựt	08/05/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,10	6,90	7,40	21,40	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)**

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
504	A6505	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Tuyết Ngân	11/04/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Thị xã Cai Lậy	2		6,40	6,70	7,20	20,30	
505	A6506	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Quốc Khánh	25/03/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,80	8,30	7,20	23,30	
506	A6507	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Ngọc Lan	09/10/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,50	9,50	6,00	23,00	
507	A6508	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thanh Hòa	06/11/2000	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,20	8,50	8,60	24,30	
508	A6509	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Miến	25/04/1975	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		4,80	5,40	6,10	16,30	
509	A6510	Y sĩ đa khoa	Trần Thị Mỹ Dung	18/02/1974	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		6,50	6,00	5,60	18,10	
510	A6511	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Minh Thanh	29/10/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		8,90	9,00	9,20	27,10	
511	A6512	Điều dưỡng	Ngô Thị Thanh Ngân	18/12/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		7,20	7,70	8,50	23,40	
512	A6513	Điều dưỡng	Trần Bảo Duy	06/01/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Nam	2NT		7,20	6,80	7,10	21,10	
513	A6514	Y sĩ đa khoa	Phạm Minh Hậu	24/12/1995	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT	03	6,70	7,00	6,80	20,50	
514	A6515	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/05/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,50	7,90	8,00	23,40	
515	A6516	Y sĩ đa khoa	Mai Thị Duyên	01/01/1970	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,00	5,00	6,50	16,50	
516	A6517	Y sĩ đa khoa	Trương Ngọc Tâm	06/04/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,00	7,00	6,60	20,60	
517	A6518	Điều dưỡng	Phan Chí Hùng	11/10/2006	Nam	THPT	Bến Tre	Ba Tri	2NT		7,30	5,70	7,20	20,20	
518	A6519	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thanh Hưng	29/07/1978	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2NT		5,00	5,00	5,00	15,00	
519	A6520	Điều dưỡng	Nguyễn Duy Bảo	27/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		8,30	8,30	8,10	24,70	
520	A6521	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Diễm Kiều	15/06/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2		7,00	6,40	6,00	19,40	
521	A6522	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Đức Phát	05/04/2004	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,00	6,40	6,25	19,65	
522	A6523	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Chí Tâm	21/06/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		5,90	6,10	5,70	17,70	
523	A6524	Điều dưỡng	Võ Thị Khánh Băng	29/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,90	7,20	7,70	21,80	
524	A6525	Y sĩ đa khoa	Lý Thị Kim Phượng	17/10/1972	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		6,00	5,50	7,00	18,50	
525	A6526	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	23/11/2006	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,30	7,20	7,90	22,40	
526	A6527	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Khắc Trọng Thảo	10/06/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	2NT		7,40	6,90	7,00	21,30	

ỦY BAN NHÂN DÂN TIỀN GIANG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG CHÍNH QUI NĂM 2024 (đợt 1)

STT	MHS	Tên ngành	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Khu vực	ĐT UT	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm TC	Ghi chú
527	A6528	Y sĩ đa khoa	Lê Thị Thanh Ngân	16/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,20	6,40	7,10	19,70	
528	A6529	Y sĩ đa khoa	Đỗ Nguyễn Kim Phụng	11/11/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,10	6,50	6,80	19,40	
529	A6530	Điều dưỡng	Đỗ Tuyết Anh	17/07/2006	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	2NT		7,20	8,10	8,10	23,40	
530	A6531	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Thanh Trang	21/10/1972	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành			4,00	7,00	5,00	16,00	
531	A6532	Dược	Võ Thị Như Ý	28/06/2006	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	2		8,70	8,70	8,90	26,30	
532	A6533	Y sĩ đa khoa	Phùng Văn Sin	26/07/1998	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		6,60	5,90	6,80	19,30	
533	A6534	Y sĩ đa khoa	Võ Hồng Lung	02/05/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	2NT		7,40	7,00	5,70	20,10	
534	A6535	Y sĩ đa khoa	Hồ Văn Trung	06/07/1986	Nam	THPT	Nghệ An	Thị xã Hoàng M	2		5,50	5,80	6,00	17,30	
535	A6536	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thành Chung	09/07/2003	Nam	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		8,00	7,00	6,00	21,00	
536	A6537	Y sĩ đa khoa	Đỗ Thị Xuân Trúc	09/02/2000	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	2NT		6,70	7,10	7,30	21,10	
537	A6538	Y sĩ đa khoa	Phạm Quốc Hải	26/06/1976	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		8,50	8,00	8,00	24,50	
538	A6539	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thành Trung	10/06/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		5,90	6,40	6,30	18,60	
539	A6540	Y sĩ đa khoa	Hồ Minh Thái	01/09/1987	Nam	THPT	TP. HCM	Tân Phú	2NT		9,00	8,00	7,50	24,50	
540	A6541	Điều dưỡng	Lê Nguyễn Yến Nhi	06/04/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	2		7,20	7,50	7,40	22,10	
541	A6542	Y sĩ đa khoa	Phan Thanh Khoa	20/07/1978	Nam	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		6,10	6,10	6,20	18,40	
542	A6543	Y sĩ đa khoa	Lê Văn Út	10/08/1988	Nam	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	2NT		6,00	6,10	6,10	18,20	
543	A6544	Y sĩ đa khoa	Phan Thị Hậu	20/04/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	2NT		5,00	8,10	7,00	20,10	
544	A6545	Y sĩ đa khoa	Nguyễn Thị Kim Tròn	19/02/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	2NT		7,00	7,10	7,40	21,50	

Danh sách này có: 544 thí sinh./

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VÀO GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2024 (đợt 1)

STT	MHS	Tên ngành	Đối tượng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm tổng cộng	Ghi chú
1	B6001	Dược	LT từ TC	Nguyễn Thị Ngọc Hân	23/12/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Gò Công	6,50	6,80	6,10	19,40	
2	B6002	Dược	LT từ TC	Nguyễn Ngọc Hà Trâm	07/10/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	7,10	7,90	7,50	22,50	
3	B6003	Điều dưỡng	LT từ TC	Đặng Thị Hồng Liên	21/03/1987	Nữ	THPT	Long An	Cần Đức	7,00	6,50	6,30	19,80	
4	B6004	Hộ sinh	LT từ TC	Trần Thị Thu Thủy	10/06/1985	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,80	7,10	7,00	20,90	
5	B6005	Dược	LT từ TC	Đặng Thị Kim Ngân	10/12/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	6,90	7,00	6,90	20,80	
6	B6006	Dược	LT từ TC	Nguyễn Minh Tú	29/08/1977	Nam	THPT	Tiền Giang	Mỹ Tho	5,00	3,50	5,00	13,50	
7	B6007	Điều dưỡng	LT từ TC	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	07/09/1994	Nữ	THPT	Bến Tre	Bình Đại	5,20	5,60	5,90	16,70	
8	B6008	Điều dưỡng	LT từ TC	Trương Thị Khánh Ly	10/04/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo				0,00	Thiếu học bạ
9	B6009	Điều dưỡng	LT từ TC	Nguyễn Thị Kim Chung	01/01/1986	Nữ	THPT	Trà Vinh	Càng Long	6,70	7,30	7,70	21,70	
10	B6010	Điều dưỡng	LT từ TC	Vũ Thị Phương Anh	22/05/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành				0,00	Thiếu học bạ
11	B6011	Hộ sinh	LT từ TC	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/11/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	7,00	6,50	5,90	19,40	
12	B6012	Điều dưỡng	LT từ TC	Nguyễn Đức Hoa An	05/08/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	6,90	6,80	6,30	20,00	
13	B6013	Dược	LT từ TC	Nguyễn Văn Êm	25/10/1997	Nam	THPT	Long An	Thanh Hóa	5,20	5,40	6,70	17,30	
14	B6014	Điều dưỡng	LT từ TC	Lê Thị Kim Oanh	27/11/1973	Nữ	THPT	Hồ Chí Minh	Thủ Đức	5,00	5,00	6,50	16,50	
15	B6015	Dược	LT từ TC	Trần Thị Thùy Trang	29/04/1991	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	6,40	6,60	6,70	19,70	
16	B6016	Điều dưỡng	LT từ TC	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	13/08/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	7,40	6,30	6,10	19,80	
17	B6017	Điều dưỡng	LT từ TC	Nguyễn Thị Cẩm Tú	22/02/1994	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	6,50	6,00	7,00	19,50	
18	B6018	Dược	LT từ TC	Lê Thị Lộc	09/03/1983	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	6,20	5,80	6,30	18,30	
19	B6019	Dược	LT từ TC	Lê Thị Hạnh	01/01/1978	Nữ	THPT	Tiền Giang	Tân Phước	6,00	5,80	5,00	16,80	
20	B6020	Dược	LT từ TC	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/08/1988	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	7,70	7,60	7,60	22,90	
21	B6021	Dược	LT từ TC	Nguyễn Thị Kim Dung	10/09/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	7,80	7,70	7,00	22,50	
22	B6022	Hộ sinh	LT từ TC	Bùi Thị Hồng Lan	09/10/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	6,20	5,70	3,50	15,40	
23	B6023	Dược	LT từ TC	Trần Thị Thu	01/01/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	6,20	6,30	6,30	18,80	
24	B6024	Dược	LT từ TC	Nguyễn Thị Hoài Thu	01/01/1985	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,60	6,90	6,80	20,30	
25	D6001	Dược	NK	Nguyễn Vũ Thanh Phương	22/03/1995	Nam	THPT	Tiền Giang	TP. Mỹ Tho	9,00	9,20	8,90	27,10	
26	D6002	Dược	NK	Phan Anh Tuấn	21/10/2002	Nam	THPT	Tiền Giang	TP. Mỹ Tho	8,00	7,90	7,80	23,70	
27	D6003	Dược	NK	Lê Thị Ngọc Yên	04/02/1999	Nữ	THPT	Bến Tre	Ba Tri	8,30	8,20	7,90	24,40	
28	D6004	Dược	NK	Nguyễn Hồng An	03/12/1989	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cai Lậy	7,00	7,10	7,00	21,10	

STT	MHS	Tên ngành	Đối tượng	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Trình độ văn hóa	Tỉnh	Huyện	Môn 1	Môn 2	Môn 3	Điểm tổng cộng	Ghi chú
29	D6005	Dược	NK	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/01/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Đông	8,10	7,60	7,60	23,30	
30	D6006	Dược	NK	Võ Đăng Khoa	10/11/1989	Nam	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	6,30	5,80	6,10	18,20	
31	D6007	Dược	NK	Nguyễn Nhứt Duy	19/10/1995	Nam	THPT	Bến Tre	Bình Đại	6,20	7,00	7,10	20,30	
32	D6008	Dược	NK	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	21/06/1977	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	7,70	7,80	7,90	23,40	
33	D6009	Dược	NK	Đường Thế Văn	23/07/1995	Nam	THPT	Bến Tre	Mỏ Cày Bắc	8,80	9,20	9,20	27,20	
34	D6010	Dược	NK	Đoàn Thị Phương Trang	20/11/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	9,10	9,00	8,90	27,00	
35	D6011	Dược	NK	Trần Khánh Thy	19/09/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	7,10	7,80	7,80	22,70	
36	D6012	Dược	NK	Phạm Mỹ Duyên	18/03/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP.Mỹ Tho	6,30	6,40	7,50	20,20	
37	D6013	Dược	NK	Phạm Nữ Kiều Trang	09/10/1990	Nữ	THPT	Tiền Giang	Gò Công Tây	7,10	6,90	6,90	20,90	
38	D6014	Dược	NK	Nguyễn Thị Thùy Vân	30/09/1992	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	6,90	7,20	7,20	21,30	
39	D6015	Dược	NK	Nguyễn Thanh Thùy	17/03/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP.Mỹ Tho				0,00	Thiếu học bạ
40	D6016	Dược	NK	Nguyễn Thị Minh Ngọc	24/11/1999	Nữ	THPT	Tây Ninh	Dương Minh Châu	5,90	6,50	5,80	18,20	
41	D6018	Dược	NK	Lê Thị Thảo Trang	26/09/1974	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,50	7,60	7,70	21,80	
42	D6019	Dược	NK	Trần Thị Thanh Hằng	04/12/1986	Nữ	THPT	Tiền Giang	Chợ Gạo	6,30	6,90	7,00	20,20	
43	D6020	Điều dưỡng	NK	Mai Thị Mỹ Duyên	24/12/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	8,50	10,00	9,00	27,50	
44	D6021	Dược	NK	Võ Huệ Thi	24/10/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP.Mỹ Tho	7,30	7,10	6,60	21,00	
45	D6022	Dược	NK	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	02/01/2001	Nữ	THPT	Tiền Giang	Cái Bè	9,10	9,20	9,10	27,40	
46	D6017	Dược	NK	Phạm Thị Ngọc Châu	13/04/1990	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	6,70	6,50	6,80	20,00	
47	C6001	Dược	SK	Ngô Thị Thục Hiền	01/08/1987	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	7,30	7,20	7,00	21,50	
48	C6002	Dược	SK	Huỳnh Hoa Hồng	09/02/1996	Nữ	THPT	Tiền Giang	TX Cai Lậy	6,90	7,60	7,70	22,20	
49	C6003	Dược	SK	Phan Thị Nhã Thi	23/05/1984	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP. Mỹ Tho	7,50	7,60	7,70	22,80	
50	C6004	Dược	SK	Dương Bảo Cường	02/12/1990	Nam	THPT	Bến Tre	Ba Tri	6,90	5,50	5,50	17,90	
51	C6005	Điều dưỡng	SK	Tạ Trang Thy	15/02/2003	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	6,90	6,90	7,40	21,20	
52	C6006	Điều dưỡng	SK	Nguyễn Công Hậu	27/05/1994	Nam	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,30	6,30	6,70	19,30	
53	C6007	Điều dưỡng	SK	Nguyễn Thị Kim Phụng	17/10/1986	Nữ	THPT	Bến Tre	Giồng Trôm	6,50	6,50	5,80	18,80	
54	C6008	Điều dưỡng	SK	Nguyễn Trúc Phương	25/11/2002	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	6,80	7,50	8,40	22,70	
55	C6009	Điều dưỡng	SK	Huỳnh Minh Ngọc	22/06/1999	Nữ	THPT	Tiền Giang	Châu Thành	6,70	6,80	6,90	20,40	
56	C6010	Điều dưỡng	SK	Phạm Thị Yến Nhi	30/11/1995	Nữ	THPT	Tiền Giang	TP Mỹ Tho	5,90	6,80	7,40	20,10	

Danh sách này có: 56 thí sinh./.